

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 07/2023/KDTM-ST
Ngày 07 tháng 7 năm 2023
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng – Ông Nguyễn Đình Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 07/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-KDTM ngày 30/5/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2023/QĐDS – ST ngày 27/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:135/2023/QĐ-HPT, ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt.

Địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài N - Giám đốc ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Nghệ An

- Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Thành S – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Nghệ An- Phòng giao dịch Nghĩa Đàn – Địa chỉ: khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- Bị đơn: +/Ông Lê Đình T - sinh ngày 24/5/1991 (Chồng).

+/ Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 02/9/1992 (Vợ)

Đều cư trú tại: xóm K, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Căn cứ vào Giấy đề nghị xin vay vốn của khách hàng là vợ chồng ông Lê Đình T, sinh ngày 24/5/1991 (chồng) và bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 02/9/1992 (vợ), đều cư trú tại: xóm K, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An thì ngày 03/11/2022 ông T bà M đã ký khế ước nhận nợ số 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 vay của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, tại phòng giao dịch huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An số tiền là 1.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 03/11/2022 đến 03/5/2023 với lãi suất ba tháng đầu là 12,1% /năm, sau đó, lãi suất được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng cho vay. Ngày 07/11/2022 ông T, bà M tiếp tục ký khế ước nhận nợ số 24D2021142/6 ngày 07/11/2022 với số tiền 1.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 07/11/2022 đến ngày 07/5/2023 với lãi suất 12,1% / năm áp dụng cho 03 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng cho vay. Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng; Gốc trả cuối kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho những khoản vay là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 21; Địa chỉ thửa đất: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 2666,6m² đã được UBND Thị Xã T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BT425944 ngày 10/6/2014 mang tên ông Lê Viết L, sinh năm 1956 và bà Đào Thị Q, sinh năm 1969; Điều cư trú tại: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình T, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị M theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 2159CQ ngày 04/8/2021 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC24D2021143, ngày 10/11/2021.

Kể từ khi vay vốn tính đến ngày 03/05/2023 ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền lãi của cả hai khế ước nhận nợ là: 141.450.603 đồng, trong đó: Số tiền lãi của khế ước nhận nợ số 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 (kể từ ngày 03/11/2022 đến 03/5/2023) là: 71.883.480 đồng; Số tiền lãi của khế ước nhận nợ số 24D2021142/6 ngày 07/11/2022 (từ ngày 07/11/2022 đến 08/05/2023) là: 69.567.123 đồng và số tiền gốc của khế ước nhận nợ số 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 đã trả là: 11 đồng.

Đến thời hạn tất toán hợp đồng của cả hai khoản vay tại 02 khế ước nhận nợ nêu trên thì ông T, bà M không trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đại diện ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn bằng văn bản và cán bộ tín dụng ngân hàng đã đến tận gia đình đốc thúc việc trả nợ, đồng thời lập biên bản nhưng anh T, chị M

cố tình không trả nợ cũng không ký vào biên bản làm việc với cán bộ ngân hàng. Do vậy buộc ngân hàng phải khởi kiện ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M ra Tòa án để thu hồi các khoản nợ cụ thể như sau:

* Dư nợ của khế ước nhận nợ số: 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 là 06 tháng kể từ ngày 03/11/2022 đến 03/5/2023; Nợ gốc: 1.499.999.989 VNĐ;

- Lãi trong hạn: 20.194.521 VNĐ. Lãi trong hạn được tính bằng công thức: $1.500.000.000 \text{ (đồng)} \times [12.6\% : 365] \times 39 \text{ (ngày)} = 20.194.521 \text{ (đồng)}$; (Trong đó: 39 ngày là số ngày tính lãi trong hạn được tính từ ngày 25/03/2023 đến ngày đáo hạn 03/05/2023)

Lãi quá hạn: 50.227.397 VNĐ. Lãi quá hạn được tính bằng công thức: $\{1.499.999.989 \text{ (đồng)} \times [12.6\% : 365] \times 1 \text{ (ngày)}\} + \{1.499.999.989 \text{ (đồng)} \times [12.6\% : 365 \times 150\%] \times 64 \text{ (ngày)}\} = 50.227.397 \text{ (đồng)}$; [Trong đó: 1 ngày là số ngày quá hạn được tính từ ngày đáo hạn 03/05/2023 đến ngày 04/05/2023 (Chưa tính lãi chậm trả gốc); 64 ngày là số quá hạn được tính từ ngày 04/05/2023 đến ngày 07/07/2023]

* Dư nợ của khế ước nhận nợ số: 24D2021142/6 ngày 07/11/2022 là 6 tháng kể từ ngày 07/11/2022 đến 08/05/2023; Nợ gốc: 1.500.000.000 VNĐ

- Lãi trong hạn: 22.783.562 VNĐ. Lãi trong hạn được tính bằng công thức: $1.500.000.000 \text{ (đồng)} \times [12.6\% : 365] \times 44 \text{ (ngày)} = 22.783.562 \text{ (đồng)}$; (Trong đó: 44 ngày là số ngày tính lãi trong hạn được tính từ ngày 25/03/2023 đến ngày đáo hạn ngày 08/05/2023).

- Lãi quá hạn: 46.602.740 VNĐ. Lãi quá hạn được tính bằng công thức: $1.500.000.000 \text{ (đồng)} \times [12.6\% : 365 \times 150\%] \times 60 \text{ (ngày)} = 46.602.740 \text{ (đồng)}$; (Trong đó: 60 ngày là số ngày quá hạn được tính từ ngày đáo hạn ngày 08/05/2023 đến ngày 07/07/2023).

* Tổng dư nợ ngân hàng yêu cầu ông T và bà M phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng tại 02 khế ước nhận nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 với tổng số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 07/07/2023 (ngày xét xử) là: 3.139.808.208 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi chín triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng), trong đó:

- + Tổng nợ gốc: 2.999.999.989 VNĐ
- + Tổng lãi trong hạn: 42.978.083 VNĐ
- + Tổng lãi quá hạn: 96.830.136 VNĐ.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất mà ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M thế chấp để đảm bảo cho khoản vay thấy rằng hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi, trên thửa đất không có tài sản gì, số đo các cạnh của thửa đất đúng với các cạnh của thửa đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BT425944 ngày 10/6/2014 mang tên ông Lê Viết L sinh năm 1956 và bà Đào Thị Q sinh năm 1969; Điều cư trú tại: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình T, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị M theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 2159CQ ngày 04/8/2021 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC24D2021143, ngày 10/11/2021.

Đối với bị đơn là vợ chồng ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T và bà M không ký nhận các văn bản mà Tòa án đã tổng đạt nên Tòa án đã lập biên bản về việc ông T và bà M không nhận, không ký vào biên bản giao nhận các thông báo, giấy triệu tập mà Tòa án tổng đạt có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Do ông T và bà M không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của họ để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì việc Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt đã ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp để cho ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M vay vốn là đúng như đại diện của nguyên đơn trình đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo quy định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ và lấy lời khai đương sự theo quy định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo quy định tại Điều 205 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại Điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định tại điều 70;71; 72; 73 75; 76; 85; 86 và Điều 234 của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30 BLTTDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Điều 1, điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch đảm bảo. Điều 280, 317, 318, 319, 351, 357, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Vợ chồng ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2023 của 02 khế ước nhận nợ là: 3.139.808.208 đ (*Ba tỷ một trăm ba mươi chín triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm linh tám đồng*), trong đó: tổng số tiền nợ gốc là: 2.999.999.989 đ (*Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi chín đồng*) ; Tổng số tiền lãi trong hạn: 42.978.083 đ (*Bốn mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng*); Tổng số tiền lãi quá hạn: 96.830.136 đ (*Chín mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi sáu đồng*). Vợ chồng ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi suất của số tiền chưa trả cho ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/7/2023 cho đến lúc thanh toán đầy đủ các nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 và có sự điều chỉnh tiền lãi theo quy định mà các bên đã thỏa thuận.

Xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt có yêu cầu Chi cục thi hành dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng, nếu như vợ chồng ông T và bà M không trả đầy đủ nợ. Buộc vợ chồng ông T, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán nợ còn lại nếu như tài sản phát mại tài sản thế chấp không đủ cho việc thanh toán nợ.

- Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đã chi phí hết số tiền trên, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho nguyên đơn.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Buộc bị đơn là ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu nguyên đơn và bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M có mặt tại Tòa án để tham gia mở phiên họp, hòa giải và giải quyết vụ án, nhưng vợ chồng ông T, bà M không hợp tác, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử để giải quyết tranh chấp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt và đề nghị xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay đối với ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Việc vay nợ, thế chấp bất động sản để đảm bảo khoản vay được chứng minh tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 với hai khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ ngày 03/11/2022 và khế ước nhận nợ ngày 07/11/2022 với tổng số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn vay của mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng (Khế ước nhận nợ số: 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 03/11/2022 đến 03/5/2023; Khế ước nhận nợ số 24D2021142/6 ngày 07/11/2022 thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 07/11/2022 đến 08/05/2023). Lãi suất cho vay của cả 02 khế ước nêu trên trong 03 (ba) tháng đầu là 12,1% / năm , sau đó được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng cho vay. Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng; Gốc trả cuối kỳ, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC 24D2022104 ngày 19/5/2022 được hai bên ký kết tại Văn phòng công chứng Lang Văn Tiến; Địa chỉ: khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm

cho khoản vay là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 07, tờ bản đồ số 21; Địa chỉ thửa đất: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 2666,6m² đã được UBND Thị Xã T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BT425944 ngày 10/6/2014 mang tên ông Lê Viết L, sinh năm 1956 và bà Đào Thị Q, sinh năm 1969; Điều cư trú tại: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình T, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 2159CQ ngày 04/8/2021 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC24D2021143, ngày 10/11/2021.

Thời hạn vay của 02 khế ước nhận nợ đối với tổng số tiền nợ gốc của cả hai khế ước là 3.000.000.000 đ (Ba tỷ đồng) là 06 tháng theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn tất toán hợp đồng của Khế ước nhận nợ số 24D2021142/5 ký ngày 03/11/2022 là ngày 03/05/2023 và của Khế ước nhận nợ số 24D2021142/6 ký ngày 07/11/2022 là ngày 08/05/2023. Theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì vợ chồng ông T bà M phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, tiền lãi vào ngày 03/05/2023 của khế ước nhận nợ số 24D2021142/5 và vào ngày 08/05/2023 của khế ước nhận nợ số 24D2021142/6. Trong thời gian này, theo khế ước nhận nợ số 24D2021142/5 ký ngày 03/11/2022 ông T, bà M đã thanh toán số tiền gốc là 11 đồng và thanh toán được 142 ngày lãi trong hạn (tính từ ngày 03/11/2023 đến ngày 25/03/2023) cụ thể là: 71.883.480 đồng; Theo khế ước nhận nợ số 24D2021142/6 ký ngày 07/11/2022 ông T, bà M đã thanh toán được 138 ngày lãi trong hạn (tính từ ngày 07/11/2023 đến ngày 25/03/2023) cụ thể là: 69.567.123 đồng, tiền gốc: 0 đồng; Như vậy: tổng số tiền nợ gốc đã trả của cả hai khế ước nhận nợ là 11 đồng và tổng số tiền lãi đã trả của cả hai khế ước nhận nợ là: 141.450.603 đồng. Việc thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn của vợ chồng ông T, bà M nêu trên được chứng minh tại bản sao kê được ngân hàng cung được lưu tại hồ sơ vụ án.

Do ông T và bà M vi phạm nghĩa vụ của bên vay về việc không trả lãi và gốc đúng hạn theo quy định tại điểm d khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 nên Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc đến hạn và các khoản lãi còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt theo quy định tại điểm f, khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 với số tiền gốc và tiền lãi của hai khế ước nhận nợ, cụ thể như sau:

* Dư nợ của Khế ước nhận nợ số: 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 tổng số tiền là: 1.570.421.097 đồng, trong đó gồm: Số tiền nợ gốc: 1.499.999.989 đồng; Lãi trong hạn là : 20.194.521 đồng. Lãi quá hạn là: 50.227.397 đồng

*Dư nợ khế ước nhận nợ số: 24D2021142/6 ngày 07/11/2022 tổng số tiền là: 1.569.386.302 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Lãi trong hạn là: 22.783.562 đồng; Lãi quá hạn: 46.602.740 đồng.

Như vậy: việc ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt yêu cầu ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền dư nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 của cả hai khế ước nhận nợ nêu trên tạm tính đến ngày 07/07/2023 là: 3.139.808.208 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi chín triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng), trong đó: Tổng số tiền nợ gốc là: 2.999.999.989 đồng; Tổng số tiền lãi trong hạn: 42.978.083 đồng; Tổng số tiền lãi quá hạn: 96.830.136 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt và vợ chồng ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M còn ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC24D2021143 ngày 10/11/2021 thuộc quyền sử dụng của ông T, bà M để bảo đảm cho khoản vay là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 21; Địa chỉ thửa đất: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 2666,6m² đã được UBND Thị Xã T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BT425944 ngày 10/6/2014 mang tên ông Lê Viết L, sinh năm 1956 và bà Đào Thị Q, sinh năm 1969; Điều cư trú tại: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình T, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị M theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 2159CQ ngày 04/8/2021.

Xét thấy quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng, sở hữu của vợ chồng ông T, bà M được dùng để bảo đảm cho khoản vay, nên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành án khi ông T, bà M không thanh toán được nợ cho ngân hàng.

- Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đã chi phí hết số tiền trên, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nghĩa vụ này thuộc trách nhiệm của bị đơn, nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 288; 317; 318, 319, 351, 357, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 4, Điều 306 của Luật kinh doanh thương mại; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt đối với ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt tổng số tiền dư nợ gốc và các khoản lãi theo Hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 của cả hai khế ước nhận nợ (Khế ước nhận nợ số: 24D2021142/5 ngày 03/11/2022 và Khế ước nhận nợ số: 24D2021142/6 ngày 07/11/2022) tạm tính đến ngày 07/07/2023 là: 3.139.808.208 đ (*Ba tỷ một trăm ba mươi chín triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm linh tám đồng*), trong đó: tổng số tiền nợ gốc là: 2.999.999.989 đ (*Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi chín đồng*) ; Tổng số tiền lãi trong hạn: 42.978.083 đ (*Bốn mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng*); Tổng số tiền lãi quá hạn: 96.830.136 đ (*Chín mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/7/2023, ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD24D2021142 ngày 10/11/2021 và được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt theo từng thời kỳ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, tiến hành kê biên, bán đấu giá phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BT425944 ngày 10/6/2014 đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 21; Địa chỉ thửa đất: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 2666,6m² đã được UBND Thị Xã T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Viết L, sinh năm 1956 và bà Đào Thị Q, sinh năm 1969; Điều cư trú tại: khối Đồng Tâm 1, phường H, thị xã Thái Hòa đã được chuyển nhượng lại cho ông Lê Đình T, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 2159CQ ngày 04/8/2021 và đã được ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M thế chấp cho ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC24D2021143, ngày 10/11/2021.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả nợ thì ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt cho đến khi thanh toán hết nợ.

Sau khi ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch N có nghĩa vụ trả lại giấy tờ về tài sản thế chấp cho ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M.

- Về Lệ phí và chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*). Tuy nhiên do trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt đã nộp tạm ứng trước số tiền trên nên ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*).

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí sơ thẩm là: 94.796.164 đ (*Chín mươi tư triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng*).

Trả lại cho ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt số tiền tạm ứng án phí là 46.727.000 đ (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn*) theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000861 ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự.

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc